

**ĐẢNG ỦY SỞ TƯ PHÁP
ỦY BAN KIỂM TRA**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Biên Hòa, ngày 16 tháng 8 năm 2019

Số: **504** - CV/UBKT



Kính gửi: Chi bộ 1, 2, 3, 4.

Thực hiện Văn bản số 504-CV/UBKTĐUK ngày 23/7/2019 về việc triển khai Quy định số 195-TW/QĐ ngày 18/6/2019 và một số nội dung hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát; Quy định số 05-QĐi/ĐUK ngày 01/8/2019 của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; Văn bản số 473-CV/UBKTĐUK ngày 09/4/2019 của Ủy ban Kiểm Đảng ủy khối quy định thời gian báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát.

Được sự chỉ đạo của Đảng ủy Sở Tư pháp, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Sở triển khai đến Chi bộ 1, 2, 3, 4 thuộc Đảng ủy Sở Tư pháp Quy định số 195-TW/QĐ ngày 18/6/2019 và một số nội dung hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát; Quy định số 05-QĐi/ĐUK ngày 01/8/2019 của Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; Văn bản số 473-CV/UBKTĐUK ngày 09/4/2019 của Ủy ban Kiểm Đảng ủy khối quy định thời gian báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát để triển khai thực hiện (kèm theo các văn bản trên).

Đề nghị Chi bộ 1, 2, 3, 4 nghiên cứu, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBKT ĐUK các cơ quan tỉnh (báo cáo);
- Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy Sở;
- Chi bộ 1, 2, 3, 4 (thực hiện);
- UV UBKT ĐU Sở (thực hiện);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, UBKT.

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
CHỦ NHIỆM**

Lê Triết Như Vũ



**ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH
ỦY BAN KIỂM TRA**

Số 504- CV/UBKTĐUK

*V/v triển khai Quy định số 195-QĐ/TW
ngày 18/6/2019 và một số nội dung hướng dẫn
về công tác kiểm tra giám sát*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2019

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG	SỐ: 4581
VĂN	NGÀY: 20/7/2019
ĐẾN	CHUYỂN:

Kính gửi: - Cấp ủy các cơ sở Đảng
- UBKT Đảng ủy cơ sở

Thực hiện Công văn số 6992-CV/TU ngày 03/7/2019 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc triển khai Quy định về chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Công văn số 2685-CV/UBKTTU ngày 19/7/2019 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về triển khai một số nội dung hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát (kèm Công văn số 4400-CV/UBKTTW ngày 08/7/2019 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc trao đổi một số nội dung về công tác kiểm tra, giám sát trên Tạp chí kiểm tra).

Được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy khối, UBKT Đảng ủy khối triển khai đến cấp ủy cơ sở Đảng, UBKT Đảng ủy cơ sở Quy định số 195-QĐ/TW ngày 18/6/2019 của Ban Chấp hành Trung ương và Công văn số 4400-CV/UBKTTW ngày 08/7/2019 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương gửi đến cấp ủy, UBKT các cấp ủy trực thuộc Đảng ủy khối để triển khai, quán triệt đến chi bộ thực hiện.

Đề nghị các cấp ủy cơ sở Đảng triển khai thực hiện; UBKT Đảng ủy cơ sở nghiên cứu, vận dụng, tổ chức thực hiện đồng bộ điều 32 Điều lệ Đảng quy định công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của UBKT các cấp trong toàn Đảng bộ khối.

Nơi nhận:

- Như trên.
- UBKT Tỉnh ủy (b/c).
- BTV ĐUK (b/c).
- Các Ban Đảng, VP ĐUK.
- Lưu

**T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Lê Thị Tuyết Phương

18

SỐ TƯ PHÁP ĐỒNG NẠI	
CÔNG SỐ	_____
VĂN NGÀY	_____
ĐẾN CHUYỂN	_____

Số: 195-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2019

QUY ĐỊNH

VỀ CHỈ ĐẠO CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CẤP TRÊN ĐỐI VỚI ỦY BAN KIỂM TRA CẤP DƯỚI TRONG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;
- Căn cứ Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

Ban Bí thư quy định về chỉ đạo của Ủy ban kiểm tra cấp trên đối với Ủy ban kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm chỉ đạo của Ủy ban kiểm tra cấp trên đối với Ủy ban kiểm tra cấp dưới (trước hết là cấp dưới trực tiếp) thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp.
2. Ủy ban kiểm tra cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Ủy ban kiểm tra cấp dưới về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban kiểm tra.
3. Việc chỉ đạo phải bảo đảm thống nhất, kịp thời, giúp Ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 3. Chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ sau đây: (theo Điều 32 Điều lệ Đảng)

1. Về kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, tập trung vào những vi phạm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những vụ việc nghiêm trọng, phức tạp, lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng.
2. Về kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng, xem xét, kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng khi phát hiện có nội dung sai trái.
3. Về giám sát tổ chức đảng, đảng viên, nhất là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.
4. Về xem xét, xử lý kỷ luật đảng
 - 4.1. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật theo thẩm quyền.
 - 4.2. Xem xét, xử lý những trường hợp có dấu hiệu dung túng, bao che hoặc bỏ lọt vi phạm.
 - 4.3. Chuyển hồ sơ vụ việc lên ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, xử lý khi có căn cứ cho thấy ủy ban kiểm tra cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.
5. Giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật của Đảng

5.1. Về giải quyết tố cáo

- a) Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền khi phát hiện ủy ban kiểm tra cấp dưới có biểu hiện trì hoãn hoặc không giải quyết.
- b) Giải quyết tố cáo đối với trường hợp người tố cáo rút đơn, nhưng phát hiện việc rút đơn là do bị ép buộc, đe dọa, bị lừa dối, mua chuộc hoặc nội dung tố cáo có cơ sở để giải quyết.
- c) Chuyển đơn tố cáo lên ủy ban kiểm tra cấp trên để xem xét, giải quyết khi phát hiện việc giải quyết vượt quá thẩm quyền của ủy ban kiểm tra cấp dưới hoặc có hiện tượng bỏ lọt, không xem xét, giải quyết.

5.2. Về giải quyết khiếu nại

- a) Yêu cầu giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền khi phát hiện ủy ban kiểm tra cấp dưới có biểu hiện trì hoãn hoặc không giải quyết.
- b) Xem xét quyết định giải quyết khiếu nại của ủy ban kiểm tra cấp dưới khi phát hiện có vi phạm về nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền.

6. Về kiểm tra tài chính đảng

6.1. Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới, của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp và kiểm tra tài chính của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc.

6.2. Ủy ban kiểm tra cấp dưới yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi, xử lý tiền, tài sản vi phạm theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 4. Chỉ đạo thực hiện các nội dung khác có liên quan

1. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong đảng; việc xây dựng và tham mưu xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra, giám sát chuyên đề hằng năm.
2. Việc báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát mà Ủy ban kiểm tra cấp trên đang tiến hành.
3. Việc tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.
4. Về nghiệp vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.
5. Việc phối hợp với cấp ủy cấp dưới chỉ đạo ủy ban kiểm tra về việc chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan ủy ban kiểm tra; về đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, thi nâng ngạch cho đội ngũ cán bộ kiểm tra theo quy định.
6. Khi cần thiết có thể trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể, khó khăn, trở ngại, phức tạp, vấn đề mới phát sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, đảng viên có liên quan có trách nhiệm phối hợp với ủy ban kiểm tra trong thực hiện Quy định này.
2. Ủy ban kiểm tra các cấp tổ chức thực hiện Quy định, định kỳ báo cáo cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp và ủy ban kiểm tra cấp trên.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được phổ biến đến chi bộ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi, báo cáo Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,

T/M BAN BÍ THƯ

Trần Quốc Vượng



ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CƠ QUAN TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Nai, ngày 01 tháng 8 năm 2019

Số 05 -QĐ/ĐUK

QUY ĐỊNH
về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 29-QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII thi hành Điều lệ Đảng; Quy định số 30-QĐ/TW ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng;
- Căn cứ Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ;
- Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;
- Căn cứ Quy định số 86-QĐ/TW ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng;
- Căn cứ Quy định số 27-QĐ/TU ngày 10/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh (nhiệm kỳ 2015-2020),

Ban Thường vụ Đảng ủy khối quy định về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ đối với tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh.

Điều 2. Mục đích

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng trong công tác cán bộ.
2. Đánh giá đúng công tác cán bộ, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các

khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, bảo đảm công tác cán bộ được thực hiện đúng quy định.

3. Góp phần chủ động phòng ngừa, ngăn chặn chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong cán bộ, đảng viên; kịp thời phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt đối với các tập thể và cá nhân.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ phải tuân thủ Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng, bảo đảm sự thống nhất quy định của Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ khối, Ban Thường vụ Đảng ủy khối về công tác cán bộ và kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

2. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân có vi phạm trong công tác cán bộ phải tiến hành kiểm tra, kết luận và xử lý nghiêm minh, chính xác, kịp thời.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tự kiểm tra và tổ chức kiểm tra, giám sát công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 4. Chủ thể kiểm tra, giám sát

Chi bộ, đảng ủy bộ phận, ban thường vụ đảng ủy cơ sở, đảng ủy cơ sở; Ban Chấp hành Đảng bộ khối, Ban thường vụ Đảng ủy khối; Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối và cơ sở; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy khối.

Điều 5. Đối tượng kiểm tra, giám sát

1. Đối với tổ chức đảng

Tổ chức đảng cơ sở (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, Ủy ban kiểm tra, chi ủy và chi bộ) có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ.

2. Đối với cán bộ, đảng viên

Cấp ủy viên từ khối đến cơ sở, cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ (từ khối đến cơ sở); trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định, quản lý, sử dụng cán bộ và cán bộ, đảng viên tham mưu về công tác cán bộ.

Chương II

CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÔNG TÁC CÁN BỘ

Điều 6. Chế độ kiểm tra

1. Đối với cán bộ, đảng viên

1.1. Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm trong công tác

và việc tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất đạo đức, lối sống.

1.2. Định kỳ hằng năm, tự phê bình và phê bình ở chi bộ và cấp ủy, tổ chức chính quyền, đoàn thể mà mình là thành viên.

1.3. Hằng năm, chi ủy nơi cán bộ, đảng viên công tác lấy ý kiến nhận xét của chi bộ nơi cư trú về bản thân cán bộ, đảng viên và gia đình trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

1.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của chi bộ nơi sinh hoạt và tổ chức đảng cấp trên.

2. Đối với cấp ủy, tổ chức đảng

2.1. Hằng năm, xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra về công tác cán bộ thuộc cấp mình quản lý và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện.

2.2. Thực hiện tự phê bình và phê bình về công tác cán bộ theo quy định.

2.3. Định kỳ hằng năm, tổ chức lấy ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên và quần chúng trong cơ quan, đơn vị về công tác cán bộ.

2.4. Chịu sự kiểm tra và chấp hành kế hoạch kiểm tra của tổ chức đảng cấp trên.

2.5. Tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới về công tác cán bộ, về thực hiện chế độ kiểm tra công tác cán bộ theo định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 7. Trách nhiệm của chủ thể kiểm tra

1. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy khối lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trực thuộc, các cơ quan tham mưu, giúp việc, ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối phối hợp tiến hành kiểm tra và trực tiếp tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Ủy ban kiểm tra Đảng ủy 2 cấp (UBKT Đảng ủy khối và UBKT Đảng ủy cơ sở) kiểm tra cán bộ, đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ; xem xét, kết luận, xử lý và đề nghị xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

3. Ban Tổ chức Đảng ủy khối chủ trì kiểm tra về việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác cán bộ; kiểm tra theo thẩm quyền về chế độ báo cáo, nhận xét, đánh giá cán bộ, đánh giá chất lượng đảng viên, tổ chức đảng theo định kỳ; về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay của cán bộ.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc khác (Ban Tuyên giáo, Văn phòng Đảng

ủy khối) kiểm tra công tác cán bộ thuộc phạm vi được phân công phụ trách; phối hợp thực hiện công tác kiểm tra theo yêu cầu của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy khối và đề nghị của Ủy ban kiểm tra.

5. Các chi, Đảng bộ cơ sở kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao về các nội dung trong công tác cán bộ.

Điều 8. Nội dung kiểm tra

1. Đối với cán bộ, đảng viên

1.1. Về điều kiện, tiêu chuẩn cán bộ theo quy định.

1.2. Việc chấp hành và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách (đối với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị).

1.3. Việc tham mưu, đề xuất và thẩm định, quyết định các nội dung về công tác cán bộ.

1.4. Việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng về công tác cán bộ.

2. Đối với cấp ủy, tổ chức đảng

2.1. Kiểm tra công tác tiếp nhận, tuyển dụng cán bộ

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp nhận, tuyển dụng cán bộ và tổ chức thi tuyển, xét tuyển để tuyển dụng cán bộ.

- Việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác tiếp nhận, tuyển dụng cán bộ.

- Việc bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận, tuyển dụng cán bộ.

2.2. Kiểm tra công tác đánh giá cán bộ

- Việc thực hiện nguyên tắc, quy trình và phương pháp đánh giá, xếp loại cán bộ.

- Việc cụ thể hoá tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Việc đánh giá cán bộ trước khi quy hoạch, luân chuyển, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm cán bộ và khen thưởng huân chương bậc cao.

2.3. Kiểm tra về công tác quy hoạch cán bộ

- Việc rà soát, thẩm định cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch.

- Việc bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ, năng lực, uy tín cán bộ trước khi quy hoạch.

- Việc quy hoạch gắn với luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ.

2.4. Kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch và theo chức danh.

- Việc bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng.

- Việc chuẩn hoá trình độ, kiến thức cho cán bộ đương chức và cán bộ dự nguồn trong quy hoạch.

- Việc thực hiện chế độ học tập, bồi dưỡng hằng năm đối với cán bộ.

2.5. Kiểm tra công tác bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

- Việc thực hiện nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thi tuyển để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Việc bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Việc thực hiện quy trình giới thiệu cán bộ ứng cử, bầu cử và bổ nhiệm.

- Việc thực hiện các quy định về kê khai, thẩm tra việc kê khai tài sản của cán bộ được giới thiệu ứng cử, bầu cử, bổ nhiệm, khen thưởng huân chương bậc cao.

2.6. Kiểm tra công tác điều động, luân chuyển cán bộ

- Việc bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện điều động, luân chuyển cán bộ.

- Việc theo dõi, nhận xét, đánh giá cán bộ khi điều động, luân chuyển và bố trí, sử dụng cán bộ sau điều động, luân chuyển.

2.7. Kiểm tra việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ

- Về trách nhiệm của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân người đứng đầu trong phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

- Về trách nhiệm quản lý cán bộ của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp khi xảy ra vi phạm.

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ.

2.8. Kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ

- Việc thực hiện chính sách về lương, thưởng, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ.

- Việc bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch công chức, viên chức.

2.9. Kiểm tra công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Việc rà soát, thẩm tra, xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị của cán bộ.
- Việc thực hiện công tác cán bộ đối với người có vấn đề về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay.

Điều 9. Về tự kiểm tra của cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng

1. Đối với cán bộ, đảng viên

1.1. Hằng năm, cán bộ, đảng viên tự phê bình trước chi bộ và kiểm điểm theo quy chế làm việc của cấp ủy, nếu là cấp ủy viên; có nhận xét của chi bộ nơi sinh hoạt và nơi cư trú.

1.2. Cán bộ, đảng viên tiếp thu ý kiến của tập thể về ưu điểm, khuyết điểm; đề ra biện pháp phát huy ưu điểm và sửa chữa, khắc phục khuyết điểm; gửi kết quả kiểm điểm về cấp ủy, chi bộ cấp mình.

2. Đối với cấp ủy, tổ chức đảng

2.1. Hằng năm, tổ chức đảng chuẩn bị báo cáo tự phê bình, lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và quần chúng ở cơ quan, đơn vị.

2.2. Tập thể chi bộ hoặc cấp ủy thảo luận, tự phê bình và phê bình.

2.3. Kết luận ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có), đề ra phương hướng, biện pháp khắc phục khuyết điểm.

2.4. Báo cáo kết quả (bằng văn bản) lên Ban Thường vụ Đảng ủy Khối và Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối và chịu trách nhiệm nếu tự kiểm tra không phát hiện ra vi phạm, nhưng sau đó các cơ quan, tổ chức khác phát hiện ra vi phạm.

Điều 10. Phương pháp kiểm tra

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra định kỳ, trong đó có nội dung kiểm tra về cán bộ và công tác cán bộ để lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra (đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ khối) và thực hiện kiểm tra.

2. Các tổ chức đảng tiến hành kiểm tra theo quy trình kiểm tra của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp.

3. Kết hợp công tác kiểm tra với công tác tư tưởng, tổ chức, bảo vệ chính trị nội bộ, tự phê bình và phê bình; kết hợp kiểm tra định kỳ hằng năm với kiểm điểm theo quy chế đánh giá cán bộ. Nếu phát hiện có khuyết điểm, vi phạm thì cấp ủy chỉ đạo xem xét, kết luận và xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

Điều 11. Thẩm quyền của chủ thể kiểm tra

1. Quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị, yêu cầu hủy bỏ, thu hồi các

quyết định không đúng về công tác cán bộ.

2. Đề nghị cấp ủy quản lý cán bộ xem xét, cân nhắc, bố trí công việc khác cho phù hợp đối với cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái, cơ hội chính trị, tham nhũng, tiêu cực, uy tín giảm sút dù cơ quan chức năng chưa kết luận được.

3. Được yêu cầu tạm dừng việc thực hiện các nội dung trong công tác cán bộ đối với cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

4. Thực hiện thẩm quyền kiểm tra, xem xét, xử lý theo quy định của Đảng.

Chương III

CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ

Điều 12. Chế độ và trách nhiệm của chủ thể giám sát

1. Tổ chức đảng cấp trên có chương trình, kế hoạch giám sát công tác cán bộ thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý, lĩnh vực được phân công phụ trách, hoặc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn các tổ chức đảng cấp dưới thực hiện chế độ giám sát công tác cán bộ theo thẩm quyền.

2. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy khối giám sát các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy khối; cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy khối quản lý; cấp ủy viên cùng cấp và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy khối quản lý.

3. Ban tổ chức và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối giám sát cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện Ban thường vụ Đảng ủy khối quản lý; người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và cán bộ các đơn vị cơ sở làm công tác tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ.

4. Ban Tuyên giáo, Văn phòng Đảng ủy khối giám sát công tác cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách; phối hợp thực hiện công tác giám sát theo yêu cầu của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy khối và đề nghị của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối.

5. Các chi, đảng bộ cơ sở giám sát tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao về các nội dung trong công tác cán bộ.

Điều 13. Nội dung giám sát

Nội dung giám sát như nội dung kiểm tra về công tác cán bộ được quy định tại Điều 8 của Quy định này và giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra.

Điều 14. Phương pháp, hình thức giám sát

Phương pháp và hình thức giám sát thực hiện theo Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng.

Điều 15. Thẩm quyền của chủ thể giám sát

1. Quá trình giám sát, chủ thể giám sát được quyền yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên có liên quan cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ cho việc giám sát và có trách nhiệm giữ bí mật về nội dung văn bản, tài liệu đó.

2. Qua giám sát về công tác cán bộ, nếu phát hiện cán bộ và tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm thì chuyển ủy ban kiểm tra hoặc báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

3. Tổ chức đảng tiến hành giám sát được nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm, vi phạm (nếu có) và nguyên nhân; bổ sung, sửa đổi hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi các quy định về công tác cán bộ.

4. Thực hiện thẩm quyền giám sát theo quy định của Đảng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Khối có trách nhiệm thực hiện Quy định này. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Đảng ủy Khối theo dõi việc thực hiện Quy định này.

Điều 17. Hiệu lực văn bản

--Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- Ban Tổ chức, UBKT Tỉnh ủy (báo cáo),
- Các chi, đảng bộ trực thuộc (thực hiện),
- Các Ban, Văn phòng ĐUK (thực hiện),
- Các đồng chí UV BCH Đảng bộ Khối,
- Lưu VP.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Hữu Định

ĐẢNG ỦY KHÔI CÁC CƠ QUAN TỈNH
ỦY BAN KIỂM TRA

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Nai, ngày 09 tháng 4 năm 2019

Số 473 -CV/UBKTĐUK

Quy định thời gian báo cáo kết quả
công tác kiểm tra, giám sát

SỞ TƯ PHÁP ĐỒNG NAI	
CÔNG	SỐ: 2094
VĂN	NGÀY: 11/4/2019
ĐẾN	CHUYỂN: _____

Kính gửi: - Ủy ban Kiểm tra các Đảng ủy cơ sở trực thuộc
- Chi bộ cơ sở trực thuộc

Thực hiện Công văn số 2358-CV/UBKTTU ngày 21/3/2019 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quy định thời gian báo cáo công tác kiểm tra, giám sát.

Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khôi đề nghị Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy cơ sở, các Chi bộ cơ sở trực thuộc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, cụ thể như sau:

- Báo cáo tháng: gửi trước ngày 15 của tháng báo cáo, trong đó báo cáo tháng 3 được lồng ghép vào báo cáo Quý I, báo cáo tháng 6 được lồng ghép vào báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng được lồng ghép vào báo cáo 9 tháng, báo cáo tháng 12 được lồng ghép vào báo cáo năm. (số liệu báo cáo tháng được tính đến ngày 15 của tháng báo cáo)

- Báo cáo Quý I: gửi trước ngày 10/02 hàng năm.

- Báo cáo 6 tháng: gửi trước ngày 01/6 hàng năm (số liệu được tính từ 15/11 năm trước đến 15/5 của năm báo cáo).

- Báo cáo 9 tháng: gửi trước ngày 10/8 hàng năm.

- Báo cáo năm: gửi trước ngày 25/11 hàng năm (mốc số liệu thống kê tính từ 15/11 năm trước đến 15/11 của năm báo cáo).

* Hình thức gửi báo cáo: bằng văn bản giấy, đồng thời gửi tệp tin qua hộp thư điện tử công vụ của UBKT Đảng ủy khôi (duk.ubkt@dongnai.gov.vn)

* Lưu ý:

- Đối với UBKT Đảng ủy cơ sở: báo cáo theo mẫu gửi kèm theo công văn này;

- Đối với Chi bộ cơ sở: báo cáo theo Quy định số 03-QĐ/ĐUK ngày 25/7/2017 của Đảng ủy khôi trong đó bổ sung thêm phần "Kết quả công tác kiểm tra, giám sát".

Quy định này thay thế các quy định trước và được thực hiện từ 4/2019. Đề nghị Ủy ban kiểm tra Đảng ủy cơ sở, chi bộ cơ sở thực hiện báo cáo đảm bảo theo quy định.

Nơi nhận:

- TT ĐUK (báo cáo),
- Như trên (thực hiện),
- VP ĐUK (biết),
- Lưu.

T/M ỦY BAN KIỂM TRA
PHÓ CHỦ NHIỆM
ỦY BAN
KIỂM TRA
Lê Thị Tuyết Phương